

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 11/2021/DS - ST

Ngày: 02/02/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Hằng.

2. Bà Ngô Thị Luân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Tuấn - Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXX ST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST - DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn QH, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Dương Duy T, sinh năm 1978; bà Bé Thị B, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn LH, xã Phi Tô, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Vợ chồng ông Lã Xuân N, sinh năm: 1960, bà Hồ Thị H1, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Số 36, TVV, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

(*Bà H có mặt; vợ chồng ông T, bà B; vợ chồng ông N, bà H1 vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 30/7/2020, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Vào ngày 25/5/2020 bà có cho vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B vay số tiền là 600.000.000đ. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền với nhau. Thời hạn trả nợ là 10 ngày, đồng thời hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Giấy vay tiền này do bà B là người viết. Trong quá trình vay tiền vợ chồng ông T, bà B có trả cho bà được số tiền 36.000.000đ. Số tiền còn lại là 564.000.000đ vợ chồng ông T, bà B không trả nên bà khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà B phải trả cho bà số tiền gốc 564.000.000. Đối với số tiền lãi suất bà không yêu cầu. Bên cạnh đó bà H yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ - BPKCTT ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà để bảo đảm việc thi hành án của vợ chồng ông T, bà B.

Bị đơn vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B đã được Tòa án niêm yết các thủ tục hợp lệ: Niêm yết thông báo thụ lý vụ án, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên Tòa cùng với giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với vợ chồng ông T, bà B nhưng vợ chồng ông T, bà B vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Lã Xuân N, bà Hồ Thị H1 đã được Tòa án niêm yết các thủ tục hợp lệ: Niêm yết thông báo thụ lý vụ án, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên Tòa cùng với giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với vợ chồng ông N, bà H1 nhưng vợ chồng ông N, bà H1 vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng vợ chồng ông T, bà B; vợ chồng ông N, bà H1 vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên Tòa:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc vợ chồng ông T, bà B phải trả cho bà H số tiền gốc là 564.000.000đ. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà để đảm bảo việc thi hành án của vợ chồng ông T, bà B. Về án phí: Vợ chồng ông T, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Lã Xuân N, bà Hồ Thị H1 đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vợ chồng ông T, bà B; vợ chồng ông N, bà H1 vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt đối với vợ chồng ông T, bà B; vợ chồng ông N, bà H1 theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Do bị đơn vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B không trả số tiền đã vay cho bà Nguyễn Thị H theo thỏa thuận nên nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà B phải trả số tiền vay là 564.000.000đ cho bà H. Do đó, Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự .

[3] *Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự*: Qua xem xét lời khai của đương sự, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà H xuất trình là giấy vay tiền ngày 25/5/2020 có nội dung:

*Tôi tên là Bé Thị B + chồng Dương Duy T cư trú tại thôn LH, Phi Tô LH - LĐ tôi có vay số tiền với cô Nguyễn Thị H cư trú tại thôn 2 Phi Tô Lâm Hà LĐ với số tiền vay là 600.000.000đ.*

Có chữ ký và chữ viết xác nhận của bên vay là ông Dương Duy T, bé Thị Buôi. Trong quá trình vay vợ chồng ông T, bà B đã trả cho bà H được số tiền 36.000.000đ. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định việc bà H có cho vợ chồng ông T, bà B vay số tiền là 600.000.000đ đã trả 36.000.000đ và còn nợ lại số tiền là 564.000.000đ là có xảy ra trên thực tế.

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên Tòa cùng với giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B nhưng vợ chồng ông T, bà B vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án, không đến Tòa án làm việc theo thông báo của Tòa án. Xét thấy, vợ chồng ông T, bà B đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

[3.2] Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết mặc dù bà H đã yêu cầu vợ chồng ông T, bà B phải trả lại nhiều lần nên bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà B phải trả lại số tiền gốc là 564.000.000đ.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và Tại phiên tòa hôm nay bà H không yêu cầu tính lãi suất vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của vợ chồng ông T, bà B đối với diện tích đất 2.001m<sup>2</sup> thuộc thửa số 59 tờ bản đồ số 56, bộ bản đồ địa chính xã Phi Tô, huyện Lâm Hà; diện tích đất 3.000m<sup>2</sup> thuộc thửa số 61, bộ bản đồ địa chính xã Phi Tô, huyện Lâm Hà; diện tích đất 3.012m<sup>2</sup> thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 64, bộ bản đồ địa chính xã Phi Tô, huyện Lâm Hà với lý do hiện nay vợ chồng ông T, bà B đang tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Qua xem xét yêu cầu của bà H thì thấy rằng: Vào ngày 01/6/2020 vợ chồng ông T, bà B đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 2.001m<sup>2</sup> thuộc thửa số 59 tờ bản đồ số 56, bộ bản đồ địa chính xã Phi Tô, huyện Lâm Hà; diện tích đất 3.000m<sup>2</sup> thuộc thửa số 61, bộ bản đồ địa chính xã Phi Tô, huyện Lâm Hà; diện tích đất 3.012m<sup>2</sup> thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 64, bộ bản đồ địa chính xã Phi Tô, huyện Lâm Hà cho vợ chồng ông Lã Xuân N, bà Hồ Thị H1. Hợp đồng chuyển nhượng đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Lan Anh vào ngày 01/6/2020, số công chứng 2357 quyển số 01TP/CC - SCC/HĐGD. Sau khi xem xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà H và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ liên quan. Xét thấy việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cần thiết để đảm bảo cho việc thi hành án nên Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ - ADBPKCTT ngày 31/7/2020 về việc phong tỏa diện tích đất 3.000m<sup>2</sup> thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 56, bộ bản đồ địa chính xã Phi Tô, huyện Lâm Hà. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 085815 đứng tên bà Quàng Thị Đức chuyển nhượng cho ông Dương Duy T, bà Bé Thị B theo hồ sơ chuyển nhượng số 1636.CQ 001 cùng tài sản gắn liền với đất.

Sau khi Tòa án ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên đối với vợ chồng ông T, bà B và tổng đạt trực tiếp đối với vợ chồng ông N, bà H1. Tuy nhiên vợ chồng ông T, bà B, vợ chồng ông N, bà H1 không có ý kiến cũng như yêu cầu gì đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên. Vì vậy, Tòa án không có cơ sở để xem xét giải quyết đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông T, bà B với vợ chồng ông N, bà H1 cũng như không có cơ sở để xem xét giải quyết đối với hậu quả của hợp đồng trên trong vụ án này mà cần tách ra để xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ - BPKCTT ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà. Đồng thời, Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, không yêu cầu thay đổi, bổ sung hoặc thay

đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 564.000.000 đồng là có cơ sở.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà B phải chịu 26.560.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà H.

[6] Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B

Buộc vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 564.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi tư triệu đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 31/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

2. Về án phí: Buộc Vợ chồng ông Dương Duy T, bà Bé Thị B phải chịu 25.560.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 14.100.000đ (Mười bốn triệu một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0007610 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Đương sự mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/02/2021) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Dũng**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**

**Thạch Thị Lan Nhung**

**Nguyễn Thị Như Quỳnh**